



zhú tà

竹榻

noun · bamboo couch

Example Sentence

Tā zài zhú tà shàng shuì le yī ge wǔ jiào.
他在竹榻上睡了一个午觉。

He took a nap on the bamboo couch.

Trace each character, then write the word on your own.

竹	竹	竹	竹	竹	竹	竹	竹	竹		
榻	榻	榻	榻	榻	榻	榻	榻	榻	榻	榻
榻	榻	榻	榻	榻	榻					